NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

Mang phồn thịnh đến khách hàng

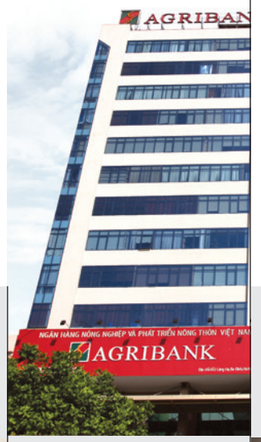


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

MỤC LỤC



04
NHỮNG ĐIỂM NHẤN VÀ CON SỐ ẤN TƯỢNG



14
THÔNG TIN CHUNG VỀ AGRIBANK

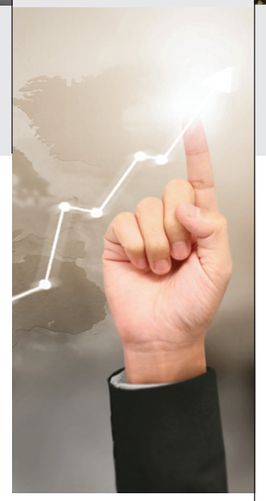


50
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

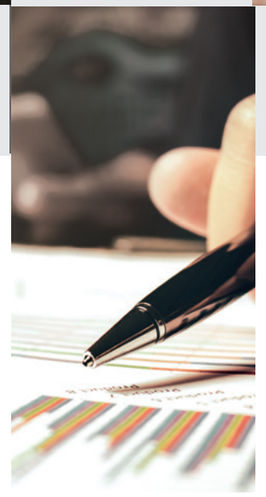


60
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

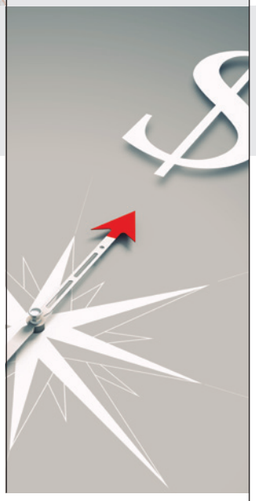
68
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



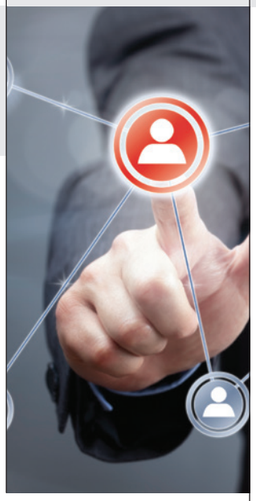
10
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



36
THÔNG TIN CHUNG VỀ AGRIBANK



54
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



68
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Thông điệp

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



ÔNG **TRỊNH NGỌC KHÁNH** CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thưa các Quý vị,

Cùng với diễn biến thuận lợi của nền kinh tế, sự đổi mới quyết liệt trong các hoạt động kinh doanh và quản trị, điều hành, sự chia sẻ, tin tưởng đồng hành của hàng chục triệu bạn hàng trong và ngoài nước, Agribank đã kết thúc năm 2016 bằng những thành tựu đáng ghi nhận trên mọi mặt hoạt động; Đề án tái cơ cấu giai đoạn I đã triển khai thành công, Agribank tiếp tục giữ vững vị trí truyền thống 29 năm là ngân hàng thương mại, bán lẻ hàng đầu Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.

Đến 31/12/2016, Tổng tài sản của Agribank đã vượt một triệu tỷ đồng, vốn huy động tăng trưởng mạnh, đạt 931.170 tỷ đồng, trong đó vốn huy động từ dân cư chiếm 79% tổng nguồn vốn huy động, dẫn đầu thị trường về quy mô và tỷ trọng; tổng dư nợ nền kinh tế tăng trưởng đều, đạt 791.450 tỷ đồng, cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng ưu tiên cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tỷ trọng hài hòa trong các lĩnh vực định hướng; các chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt nâng cao chất lượng tín dụng đã phát huy hiệu quả, nợ xấu còn 1,89%/tổng dư nợ, giảm 0,12% so với cuối năm 2015; hoạt động kinh doanh dịch vụ được đẩy mạnh, doanh thu dịch vụ tăng 19,2% so với đầu năm; hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp, hoàn thiện, tự động hóa xử lý 65% số lượng giao dịch; lợi nhuận trước thuế tăng 13,65% so với năm trước, các tỷ lệ an toàn hoạt động đáp ứng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, chỉ số an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ đạt 11,05%; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành, từ củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức tại Trụ sở chính và mạng lưới các chi nhánh đến ban hành cơ chế, chính sách về quản lý lao động, cơ chế khoán tài chính phù hợp đã tạo động lực, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của từng tập thể, cá nhân trong hệ thống; hoạt động tiếp thị, truyền thông tiếp tục được củng cố; hoạt động đối ngoại tiếp tục phát triển, uy tín và thương hiệu Agribank đã được khôi phục và từng bước được nâng cao; hoạt động đầu tư vào doanh nghiệp khác đã được cơ cấu lại, hiệu quả đầu tư nâng lên rõ rệt; kết hợp ứng dụng công nghệ để giám sát từ xa với tăng cường kiểm tra đột xuất nhằm kịp thời phát hiện và ngăn ngừa rủi ro phát sinh đã làm cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đạt chất lượng cao.

Năm 2016, Agribank tiếp tục là NHTM duy nhất trong Top 10 của Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500); liên tục giữ vững danh hiệu Top 10 doanh nghiệp, thương hiệu mạnh, danh tiếng nhất Đông Nam Á; Ngân hàng thực hiện tốt nhất về an sinh xã hội, đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, hệ thống dịch vụ ATM trong khu vực Đông Nam Á; tiếp tục được giải thưởng Sao Khuê; được tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch xếp hạng mức "B+"; Tạp chí Banker xếp hạng 446 trong 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới.

Bước vào năm 2017, hướng đến kỷ niệm 30 năm thành lập, với những thành tựu đã đạt được và bề dày kinh nghiệm trên thương trường, đặc biệt là những bài học vô giá trong giai đoạn khó khăn, Agribank quyết tâm tận dụng mọi cơ hội, nhanh chóng củng cố và hoàn thiện để vượt qua thách thức, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, mở rộng thị trường, thị phần với mục tiêu giữ vững vai trò ngân hàng bán lẻ số một trên thị trường nông nghiệp, nông thôn, từng bước khôi phục thị phần tại khu vực đô thị; tăng trưởng quy mô gắn với khả năng quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, bảo đảm các tỷ lệ an toàn theo quy định; cải thiện đời sống, thu nhập người lao động; làm tốt công tác chuẩn bị về mọi mặt để triển khai thành công việc cổ phần hóa theo lộ trình và kế hoạch được Chính phủ phê duyệt; dự kiến năm 2019 Agribank sẽ đi vào hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần.

Nhân dịp này, thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động Agribank, tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ, đồng hành và hợp tác quý báu của các Quý vị đã dành cho Agribank suốt chặng đường đã qua. Trong thời gian tới, Agribank mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, hợp tác sâu rộng hơn trên nhiều lĩnh vực hoạt động và có những bước phát triển mới.

Kính chúc các Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TS. Trịnh Ngọc Khánh

AGRIBANK 2016

- NHỮNG ĐIỂM NHẤN VÀ CON SỐ ẤN TƯỢNG
- CÁC GIẢI THƯỞNG NĂM 2016



Những điểm nhấn và con số ấn tượng

THỰC HIỆN THÀNH CÔNG ĐỀ ÁN
TÁI CƠ CẤU AGRIBANK
GIAI ĐOẠN 2013 - 2015 ĐÃ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT.

TỔNG TÀI SẢN CỦA NGÂN HÀNG VƯỢT CON SỐ
1 TRIỆU TỶ ĐỒNG.

2.241 CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH VÀ **2.500 MÁY ATM** CỦA AGRIBANK TRẢI RỘNG TRONG CẢ NƯỚC, TẠO ĐIỀU KIỆN CHO NGƯỜI DÂN TỪ THÀNH THỊ ĐẾN NÔNG THÔN, VÙNG SÂU, VÙNG XA VÀ HẢI ĐẢO TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VÀ TIỆN ÍCH NGÂN HÀNG.

GẦN **12 TRIỆU KHÁCH HÀNG**
SỬ DỤNG CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CỦA AGRIBANK, TĂNG 9% SO VỚI NĂM 2015.

514.154 TỶ ĐỒNG ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, CHIẾM 70% TỔNG DƯ NỢ CỦA AGRIBANK VÀ TRÊN **50% TỔNG DƯ NỢ CỦA TOÀN NGÀNH NGÂN HÀNG**
ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC NÀY.



GÓI TÍN DỤNG ƯU ĐÃI **50.000 TỶ ĐỒNG**
PHỤC VỤ ĐẦU TƯ CHO NÔNG NGHIỆP SẠCH ĐƯỢC CÔNG BỐ VÀ TRIỂN KHAI ĐỒNG HÀNH CÙNG CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG "NÔNG NGHIỆP SẠCH CHO NGƯỜI VIỆT NAM, CHO THẾ GIỚI".

TRÊN **200 SẢN PHẨM, DỊCH VỤ**
ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG.

7,9 TỶ USD LÀ TỔNG GIÁ TRỊ NGUỒN VỐN TIẾP NHẬN PHỤC VỤ VÀ THỰC HIỆN TỪ 183 DỰ ÁN ODA, VAY ƯU ĐÃI TÍNH TỚI CUỐI NĂM 2016.

GẦN **1,4 TỶ USD** LÀ DOANH SỐ KIỀU HỐI CHUYỂN VỀ VIỆT NAM QUA AGRIBANK TRONG NĂM 2016.

65% SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH
ĐƯỢC XỬ LÝ TỰ ĐỘNG GIÚP AGRIBANK NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG.

346 TỶ ĐỒNG LÀ ĐÓNG GÓP CỦA AGRIBANK TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI TRONG NĂM 2016.

CÁC GIẢI THƯỞNG NĂM 2016



Tiếp tục được Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch giữ nguyên xếp hạng của Agribank mức "B+" với triển vọng tương lai phát triển ổn định và Tạp chí The Banker bình chọn Agribank đứng thứ 446 trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới.



Giải thưởng "Ngân hàng có hệ thống ATM hiệu quả nhất" do NAPAS trao tặng.

Ngân hàng đứng thứ nhất hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam trong Bảng xếp hạng VNR500.

Giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất trong đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn tại Đông Nam Á", "Ngân hàng tốt nhất về hệ thống và dịch vụ ATM" và "Ngân hàng thực hiện tốt nhất an sinh xã hội Đông Nam Á" do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

Giải thưởng "Top 10 Doanh nghiệp mạnh Đông Nam Á" và Giải thưởng "Top 10 Thương hiệu danh tiếng Đông Nam Á" tại Diễn đàn Mê Kông lần thứ VII.



Giải thưởng Sao Khuê 2016 cho 02 ứng dụng phần mềm xuất sắc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng là Agribank E-Mobile Banking và Hệ thống phát hành và thanh toán thẻ Chip theo chuẩn EMV.

Giải thưởng "Ngân hàng có Dịch vụ tài chính vi mô tốt nhất Việt Nam" do tạp chí The Asian Banker trao tặng.



THÔNG TIN CHUNG VỀ AGRIBANK

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ KINH DOANH
- CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ





Thông tin khái quát

- Tên bằng tiếng Việt: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
- Tên bằng tiếng Anh: Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development;
- Tên viết tắt: Agribank;
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 280/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/10/1996;
- Mã số doanh nghiệp: 0100686174;
- Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 29.154.206.216.715 đồng;
- Bằng chữ: Hai mươi chín nghìn một trăm năm mươi bốn tỷ hai trăm linh sáu triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười lăm đồng;
- Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Điện thoại: 84 24 38379014 - 84 24 37724401 - 84 24 38313733; 84 1900558818;
- Fax: 84 24 38313690 - 84 24 38313709;
- Website: www.agribank.com.vn;
- Địa bàn hoạt động: Đến 31/12/2016, mạng lưới hoạt động của Agribank gồm có: Trụ sở chính, 03 Văn phòng đại diện, 03 đơn vị sự nghiệp, 07 công ty con, 155 Chi nhánh loại I, 787 Chi nhánh loại II, 1.299 Phòng giao dịch & 2.500 máy ATM trải rộng tại khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước và 01 Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài (Campuchia).



Quá trình hình thành và phát triển

NĂM 1988:
Thành lập ngày 26/3/1988 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam

NĂM 1990:
Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam

NĂM 1995:
Đề xuất thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách xã hội, tách ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam

NĂM 1996:
Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

NĂM 2003:
Được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới

Triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán và kế toán khách hàng (IPCAS) tại các chi nhánh của Agribank

NĂM 2005:
Mở Văn phòng đại diện đầu tiên tại nước ngoài - Văn phòng đại diện Campuchia

NĂM 2006:
Đạt Giải thưởng Sao Vàng đất Việt

NĂM 2007:
Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số một Việt Nam

NĂM 2008:
Kỷ niệm 20 năm thành lập. Được trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì

Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA)

Đạt Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt

NĂM 2009:
Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc.

Là ngân hàng đầu tiên lần thứ 2 liên tiếp đạt Giải thưởng Top 10 Sao Vàng đất Việt.

Khai trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống.

NĂM 2010:
Top 10 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500.

NĂM 2011:
Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

NĂM 2012:
Là Ngân hàng Thương mại có quy mô Tổng Tài sản lớn nhất (tương đương 20% GDP)

Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500; Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN; Thương hiệu nổi tiếng ASEAN; Ngân hàng có chất lượng thanh toán cao; Ngân hàng Thương mại thanh toán hàng đầu Việt Nam.

NĂM 2013:
Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới.

NĂM 2014:
Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu

Là Ngân hàng Thương mại duy nhất lần thứ 5 liên tiếp thuộc Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500

Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Agribank lên B+

NĂM 2015:
Hoàn thành cơ bản Đề án Tái cơ cấu đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt.

Thành lập Trung tâm Vốn Agribank nhằm nâng cao tính tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Vốn và Ngoại tệ

Ra mắt hệ thống phát hành và thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV đem lại nhiều tiện ích, sự nhanh chóng và an toàn cho chủ thẻ Agribank.

NĂM 2016:
Tổng Tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng

Là ngân hàng đứng đầu hệ thống ngân hàng theo Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Năm đầu tiên thực hiện Đề án chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Đề án phát triển sản phẩm dịch vụ giai đoạn 2016-2020.

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh

TẦM NHÌN

Là Ngân hàng hiện đại lớn nhất Việt Nam, hoạt động theo phương châm tăng trưởng **"An toàn - Hiệu quả - Bền vững"** đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

SỨ MỆNH

Agribank là Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam; giữ vai trò chủ chốt đối với nền kinh tế đất nước đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trung thực, Kỷ cương, Sáng tạo,
Chất lượng, Hiệu quả.

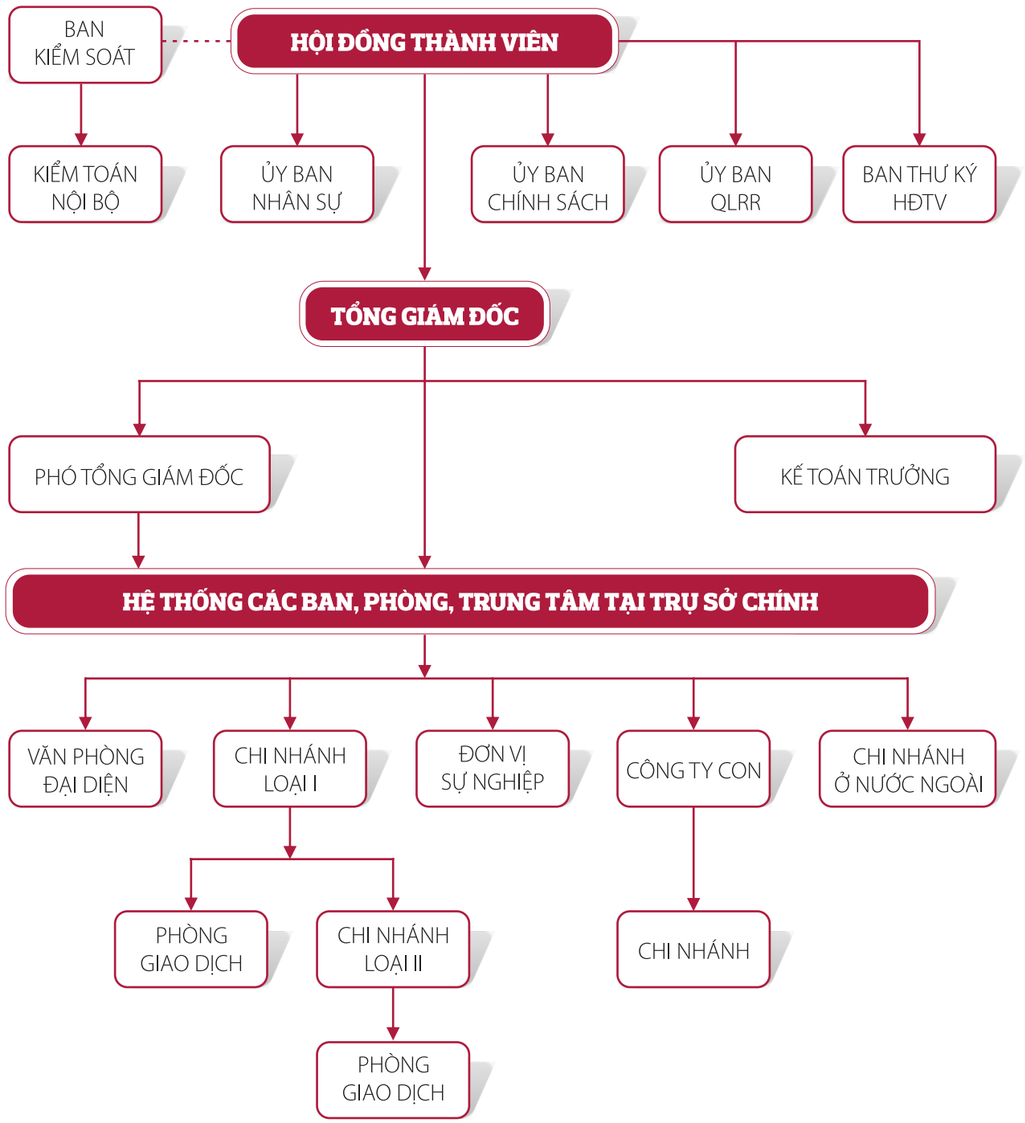
TRIẾT LÝ KINH DOANH

Mang phồn thịnh đến khách hàng.

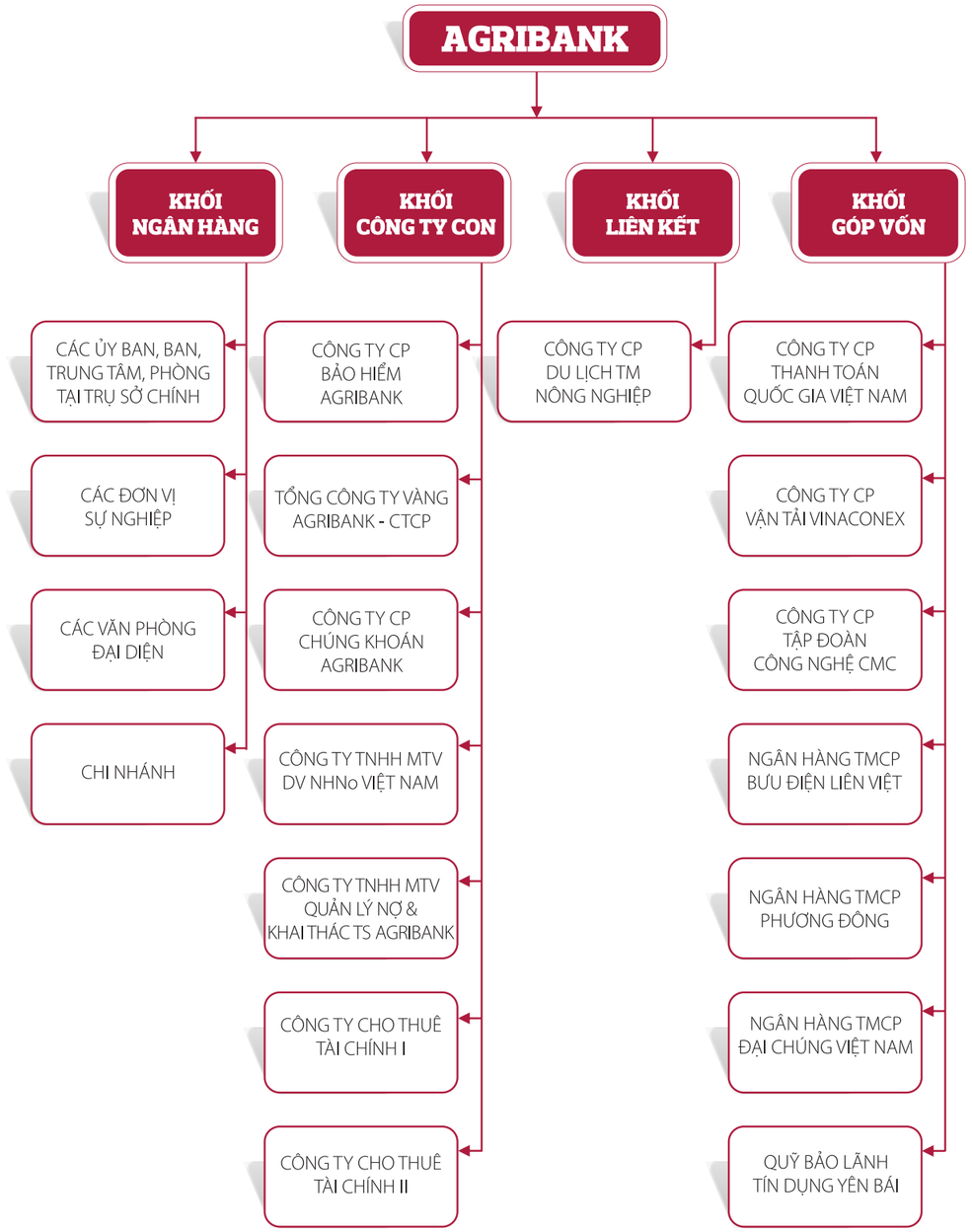


CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ




BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
KIỂM TOÁN NỘI BỘ
ỦY BAN NHÂN SỰ
ỦY BAN CHÍNH SÁCH
ỦY BAN QLRR
BAN THƯ KÝ HĐTV
TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG
HỆ THỐNG CÁC BAN, PHÒNG, TRUNG TÂM TẠI TRỤ SỞ CHÍNH
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CHI NHÁNH LOẠI I
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG TY CON
CHI NHÁNH Ở NƯỚC NGOÀI
PHÒNG GIAO DỊCH
CHI NHÁNH LOẠI II
CHI NHÁNH
PHÒNG GIAO DỊCH




AGRIBANK
KHỐI NGÂN HÀNG
KHỐI CÔNG TY CON
KHỐI LIÊN KẾT
KHỐI GÓP VỐN
CÁC ỦY BAN, BAN, TRUNG TÂM, PHÒNG TẠI TRỤ SỞ CHÍNH
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÁC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CHI NHÁNH
CÔNG TY CP BẢO HIỂM AGRIBANK
TỔNG CÔNG TY VÀNG AGRIBANK - CTCP
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
CÔNG TY TNHH MTV DV NHNo VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ & KHAI THÁC TS AGRIBANK
CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH I
CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II
CÔNG TY CP DU LỊCH TM NÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CP THANH TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CP VẬN TẢI VINACONEX
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM
QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG YÊN BÁI

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CẤP CAO

- HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
- BAN KIỂM SOÁT
- BAN ĐIỀU HÀNH



HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



ÔNG **TRỊNH NGỌC KHÁNH**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Sinh năm: 1959
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Luật, Thạc sỹ Kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1993
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank từ 06/06/2014.



ÔNG **PHẠM ĐỨC ẤN**
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1970
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 2014
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên từ 06/06/2014



ÔNG **TIẾT VĂN THÀNH**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1962
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc Agribank từ 06/06/2014; Bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc từ 09/02/2015.



ÔNG **PHẠM HOÀNG ĐỨC**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1961
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán quốc tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 2014
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 06/06/2014



ÔNG **NGUYỄN NGỌC**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1958
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng; Cử nhân Hành chính, Tổ chức
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 2014
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 06/6/2014



ÔNG **NGUYỄN VĂN MINH**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1962
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 06/06/2014



ÔNG **NGUYỄN MINH TRÍ**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1963
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 22/10/2012



ÔNG **NGUYỄN VIẾT MẠNH**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1962
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 2014
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 06/06/2014



ÔNG **ĐẶNG VĂN QUANG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1958
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Tài chính tín dụng
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 10/06/2015



ÔNG **NGUYỄN ĐĂNG HỒNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1958
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 2014
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 06/06/2014



ÔNG **HỒ VĂN SƠN**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Sinh năm: 1962
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 29/07/2016



ÔNG **NGUYỄN XUÂN ĐỒNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
(NGHỈ HƯU TỪ 01/03/2016)
Sinh năm: 1956
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên từ 01/08/2011 đến 28/02/2016.

BAN KIỂM SOÁT



BÀ **NGUYỄN THỊ LIÊN:**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
(NGHỈ HƯU TỪ 01/10/2016)
Sinh năm: 1961
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ 01/05/2012 đến 30/9/2016



ÔNG **NGUYỄN BÁCH DƯƠNG:**
THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH BAN KIỂM SOÁT
Sinh năm: 1962
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ 01/10/2014 và được giao điều hành Ban Kiểm soát từ 01/10/2016



ÔNG **HOÀNG VĂN THẮNG:**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Sinh năm: 1966
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 2014
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ 01/10/2014



ÔNG **BÙI HỒNG QUẢNG:**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Sinh năm: 1970
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1994
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ 01/10/2014



BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG **TIẾT VĂN THÀNH:**
TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1962
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền Tổng giám đốc từ 6/6/2014 và Tổng Giám đốc từ 09/02/2015



ÔNG **TÔ ĐÌNH TƠN:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1963
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1996
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 29/07/2016.



BÀ **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1968
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1992
Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 06/06/2014



ÔNG **PHẠM ĐỨC TUẤN:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1969
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1992
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 29/07/2016.



ÔNG **TRƯƠNG NGỌC ANH:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1960
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 10/06/2015.



ÔNG **NGUYỄN HẢI LONG:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1997
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ
Phó Tổng Giám đốc từ 02/10/2014



ÔNG **PHẠM TOÀN VƯỢNG:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1976
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính tín dụng
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1999
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 10/06/2015.



ÔNG **NGUYỄN MINH PHƯƠNG:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Sinh năm: 1968
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 01/10/2014

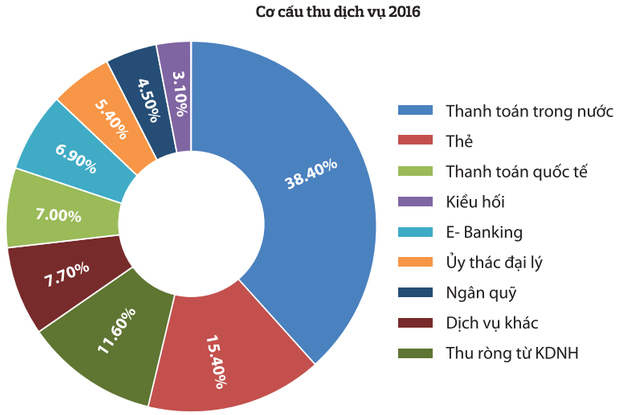


BÀ **LÊ THỊ THANH HẰNG:**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (NGHỈ HƯU TỪ 01/7/2016)
Sinh năm: 1961
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế
Bắt đầu làm việc tại Agribank từ năm 1988
Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 01/06/2006 đến 30/6/2016

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

NĂM 2016, TOÀN THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG AGRIBANK ĐÃ BÁM SÁT CHỦ TRƯƠNG, CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG, NHẤT QUÁN TRONG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, ĐOÀN KẾT, SÁNG TẠO, NỖ LỰC PHẤN ĐẤU, TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, CÓ HIỆU QUẢ NHIỀU GIẢI PHÁP NÊN ĐÃ HOÀN THÀNH CƠ BẢN CÁC MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH ĐẶT RA TỪ ĐẦU NĂM THEO NGHỊ QUYẾT 03/NQ- HĐTV NGÀY 07/01/2016 CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.

Những điểm sáng về chất lượng



Điều hành kế hoạch kinh doanh

Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai Đề án chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Với tinh thần chủ động, tích cực tập trung mọi nguồn lực để triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều giải pháp trong điều hành kế hoạch, hoạt động kinh doanh của Agribank đã có nhiều chuyển biến tích cực, tăng trưởng mạnh về quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Agribank đã lựa chọn mục tiêu, giải pháp kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế tại mỗi địa phương. Tài sản Có được cơ cấu theo đúng mục tiêu của Đề án Tái cơ cấu, tập trung phục vụ nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Cơ cấu Tài sản Nợ được điều chỉnh phù hợp theo hướng tích cực; bảo toàn vốn chủ sở hữu, từng bước thực hiện bổ sung vốn tự có, nâng cao năng lực tài chính, các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Chủ động điều hành cân đối, tăng trưởng nguồn vốn và sử dụng vốn hợp lý, phù hợp với diễn biến thị trường, tận dụng tối đa khả năng cấp tín dụng trên tổng tiền gửi để phục vụ kịp thời nhu cầu vốn phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn thanh khoản.

Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản của Agribank năm 2016 về tổng tài sản, dư nợ tín dụng, tổng nguồn vốn, lợi nhuận, kinh doanh dịch vụ đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ nợ xấu được giảm xuống mức dưới 2%, cơ cấu nguồn vốn và đầu tư tín dụng được chuyển dịch hợp lý, chất lượng tín dụng được cải thiện. Hoạt động kinh doanh dịch vụ được triển khai tích cực, tăng tỷ trọng trong tổng thu nhập, từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động tín dụng truyền thống.

Phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử là ưu tiên hàng đầu. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu từng bước được tăng lên.

- Trên nền tảng công nghệ hiện đại, mạng lưới rộng khắp, quan hệ đại lý với nhiều ngân hàng, Agribank không ngừng cải tiến, đa dạng hóa, tăng cường thực hiện các sản phẩm bán chéo, liên kết, cung cấp sản phẩm dịch vụ qua nhiều kênh phân phối, bám sát nhu cầu của khách hàng, từng bước mở rộng địa bàn nông thôn, doanh thu dịch vụ tăng đều qua các năm. Hiện tại, Agribank cung cấp ra thị trường hơn 200 sản phẩm, dịch vụ, trong đó có 48 sản phẩm cấp tín dụng, 39 sản phẩm huy động vốn, 18 sản phẩm thanh toán trong nước, 35 sản phẩm thanh toán quốc tế, 22 sản phẩm Ebanking... Nhiều sản phẩm, dịch vụ đã trở thành thế mạnh, đặc trưng riêng của Agribank như: Huy động vốn, thanh toán trong nước, thanh toán biên mậu, nộp thuế điện tử, kiều hối, thẻ, Mobile Banking...

- Đến cuối năm 2016, Agribank có gần 9,6 triệu khách hàng mở tài khoản thanh toán tại Agribank; trong đó, gần 8,2 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ thẻ; 5,4 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ Mobile Banking; 1,75 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ Bảo hiểm liên kết (Bancasurrance).

- Cơ cấu thu dịch vụ năm 2016 của Agribank chuyển dịch tích cực, tổng doanh thu dịch vụ toàn hệ thống đạt 3.641 tỷ đồng, tăng 19,2% so với năm 2015. Các nhóm dịch vụ đều tăng trưởng so với năm trước, trong đó nổi bật là nhóm dịch vụ ủy thác đại lý có mức tăng trưởng mạnh nhất tăng 35,2%, tiếp theo là nhóm dịch vụ E-banking tăng 32,7% và nhóm dịch vụ thẻ tăng 22% so với năm 2015.

Đổi mới mô hình tổ chức, phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực

- *Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động:* Năm 2016, bộ máy nhân sự cấp cao của Agribank tiếp tục được bổ sung, kiện toàn. Bộ máy tổ chức được sắp xếp lại từ Trụ sở chính đến các chi nhánh, cơ cấu phù hợp với mô hình, điều kiện hoạt động kinh doanh của Agribank. Một số đơn vị chuyên môn được củng cố, thành lập mới hoặc chuyển đổi chức năng nhiệm vụ theo mô hình quản trị hiện đại, tránh chồng chéo chức năng, tăng năng suất lao động.

- *Phát triển mạng lưới:* Mạng lưới kinh doanh được sắp xếp lại phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh trên địa bàn thành thị và nông thôn, giảm phòng giao dịch hoạt động kém hiệu quả tại các thành phố, thành lập chi nhánh và phòng giao dịch trên địa bàn nông thôn nơi có môi trường kinh doanh thuận lợi. Hoàn thiện và



trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt Đề án điểm kinh doanh lưu động bằng xe ô tô chuyên dùng. Tăng cường chức năng chỉ đạo, giám sát, kiểm tra của Trụ sở chính, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh. Áp dụng các giải pháp hiệu quả để củng cố, chấn chỉnh hoạt động của các công ty con, hoàn thành thoái vốn tại 4 công ty con, công ty liên kết, sáp nhập 02 công ty con; tăng cường giám sát các công ty con, công ty liên kết.

- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:*
Agribank thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngay từ khâu tuyển dụng, xác định tiêu chuẩn người lao động đối với từng vị trí chức danh, đào tạo theo hình thức chuyên sâu nghề nghiệp. Chủ trương về luân chuyển, trưng tập người lao động được thực hiện hiệu quả, bổ sung nguồn nhân lực cho các chi nhánh tại địa bàn nông thôn để phát triển sản phẩm dịch vụ và tăng trưởng tín dụng nông nghiệp, nông thôn. Trong năm 2016, Agribank đã thực hiện luân chuyển vị trí công việc cho 582 lượt cán bộ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro. Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ cũng được củng cố, tăng cường theo mô hình quản lý cả chiều ngang và chiều dọc. Agribank bước đầu thay đổi chương trình, phương pháp và kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo gắn liền với thực tiễn, chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng đào tạo chuyên sâu. Đến cuối năm 2016, Agribank đã tổ chức, đào tạo, tập huấn cho 95.693 lượt học viên.



Những điểm sáng về tài chính, quản trị

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Vốn chủ sở hữu	39.415	40.686	44.870	46.897	49.231
Vốn điều lệ	26.079	26.204	28.840	29.004	29.126
Lợi nhuận trước thuế	4.017	3.064	3.222	3.706	4.212
Lợi nhuận sau thuế	3.036	2.314	2.529	2.898	3.388
Nợ xấu (%)	5,68	4,68	4,46	2,01	1,89

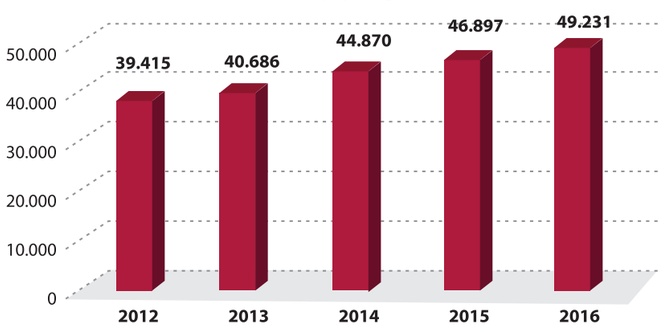
(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán các năm 2012-2016)

Công tác quản trị rủi ro, xử lý nợ tiếp tục được chú trọng

Năm 2016, Agribank đã áp dụng đồng bộ các giải pháp tích cực thu hồi nợ, linh hoạt tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như: cơ cấu lại nợ, miễn, giảm lãi, xử lý tài sản bảo đảm, bán nợ cho VAMC; kịp thời sửa đổi, ban hành nhiều cơ chế chính sách về công tác quản trị rủi ro tín dụng; nâng cao chất lượng công tác thông tin khách hàng và cảnh báo rủi ro; tăng cường hiệu quả công tác quản lý, thu hồi nợ sau xử lý, kiểm tra, giám sát. Công tác quản lý nợ, giám sát và cảnh báo nợ tiềm ẩn rủi ro đã góp phần đảm bảo chất lượng tín dụng và đưa tỷ lệ nợ xấu xuống còn 1,89%. Công tác thu hồi nợ đã xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng, nợ đã bán cho VAMC cũng được đặc biệt chú trọng. Năm 2016, kết quả thu hồi nợ đã XLRR đạt 4.966 tỷ đồng, tăng 993 tỷ đồng so với năm 2015. Thu nợ đã bán cho VAMC đạt 6.346 tỷ đồng, tăng 3.527 tỷ đồng so với năm 2015.

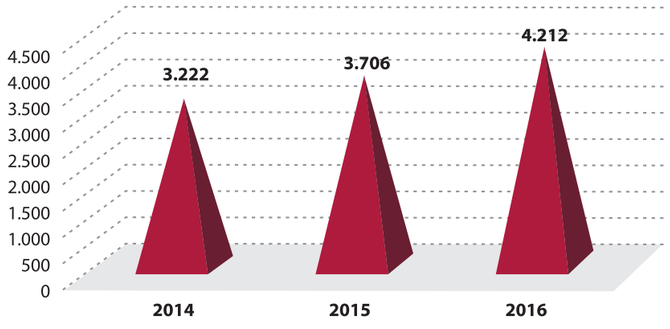
Vốn chủ sở hữu

Đơn vị: Tỷ đồng



Lợi nhận trước thuế

Đơn vị: Tỷ đồng





Những con số ấn tượng về kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng Tài sản	761.385	873.654	1.001.205
Tổng Nguồn vốn	700.124	810.101	931.170
Tổng Dư nợ	579.781	673.435	791.450
Tiền gửi khách hàng	655.432	763.411	866.005
Lợi nhuận trước thuế	3.222	3.706	4.212

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán các năm 2014-2016)

Tổng Tài sản

Tổng Tài sản của Agribank không chỉ tăng về quy mô mà còn nâng cao về chất lượng tài sản. Đến cuối năm 2016, tổng tài sản của Agribank đạt 1.001.205 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2015. Với chính sách tập trung cho vay khách hàng truyền thống, phát triển khách hàng mới, tỷ trọng tài sản sinh lời của Agribank luôn duy trì ở mức từ 83,84% (năm 2015) đến 88,9% (năm 2016) trong tổng tài sản. Agribank luôn hướng đến mục tiêu tối đa hiệu quả sử dụng vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn thanh khoản. Các tỷ lệ an toàn hoạt động của Agribank đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ đạt 11,05% (quy định tối thiểu 8%). Các tỷ lệ an toàn thanh khoản đều vượt khá xa so với quy định: tỷ lệ dự trữ thanh khoản 13,24% (quy định tối thiểu 10%), tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn 36,3%, tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi 88,1%; tỷ lệ dư nợ cho vay trung và dài hạn/ tổng dư nợ 39,5%, phù hợp với cơ cấu nguồn vốn huy động.

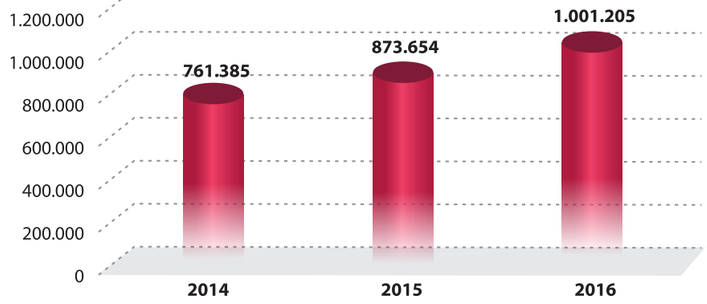


Huy động vốn

Trên cơ sở nhu cầu thị trường, phát huy lợi thế uy tín của thương hiệu và mạng lưới rộng khắp, Agribank luôn chủ động xây dựng, hoàn thiện danh mục sản phẩm huy động phù hợp với từng phân đoạn khách hàng. Chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng ngày càng được chú trọng và nâng cao. Đến 31/12/2016, tổng nguồn vốn của Agribank đạt 931.170 tỷ đồng, tăng 121.069 tỷ đồng tương đương tăng 14,9% so với cuối năm 2015. Với tốc độ tăng trưởng ổn định, vốn huy động từ dân cư thời điểm cuối năm 2016 đạt trên 732 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2015. Vốn trung dài hạn tăng 83.827 tỷ đồng, tăng mạnh (35,4%) so với cuối năm 2015. Cơ cấu vốn tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tích cực, bền vững, tăng dần tỷ trọng vốn ổn định, vốn trung dài hạn. Vốn huy động từ dân cư tiếp tục tăng và chiếm tỷ trọng cao, nguồn vốn kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng, tiền gửi của các TCTD và tổ chức kinh tế được quản lý chặt chẽ, dẫn dắt thị trường giảm lãi suất đầu vào và duy trì ở mức thấp để nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng tài chính.

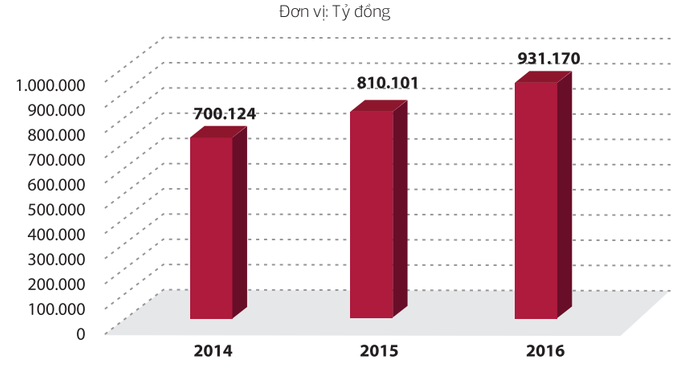
Tổng tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng



Tổng nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng



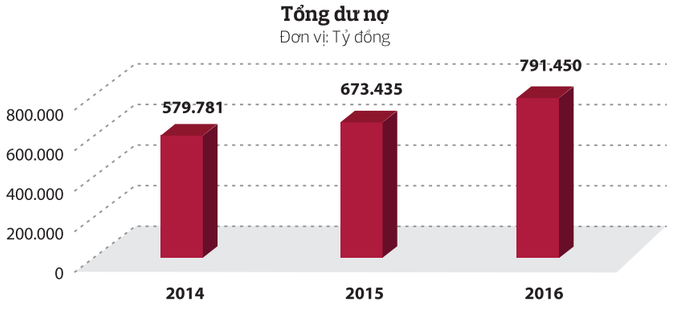
Hoạt động tín dụng

Ngay từ đầu năm, Agribank đã chủ động điều hành tăng trưởng tín dụng với cơ cấu hợp lý, nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung xử lý nợ xấu với nhiều giải pháp như: Đẩy mạnh công tác tiếp thị, giao và điều hành kế hoạch tín dụng linh hoạt, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của chi nhánh, giảm lãi suất cho vay, triển khai sớm các chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất, nâng cao hiệu quả cho vay hộ sản xuất thông qua Tổ vay vốn, ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách cấp tín dụng, có cơ chế khuyến khích về lương, thưởng, đào tạo cán bộ tín dụng, nâng cao chất lượng dự báo, thẩm định dự án, trưng tập cán bộ rà soát chất lượng tín dụng, nâng cao chất lượng cảnh báo nợ xấu, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chuẩn hóa dữ liệu thông tin khách hàng, quyết liệt và kịp thời xử lý tài sản bảo đảm. Đến 31/12/2016, tổng dư nợ của toàn hệ thống (bao gồm dư nợ cho vay nền kinh tế, trái phiếu VAMC, trái phiếu doanh nghiệp) là 791.450 tỷ đồng, tăng 17,5% so với đầu năm; tỷ lệ nợ xấu 1,89%, giảm 0,12% so với đầu năm, chất lượng tín dụng bảo đảm. Cơ cấu cho vay tập trung chủ yếu vào VND, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng dư nợ cho vay nền kinh tế, phù hợp với nỗ lực chuyển các giao dịch ngoại tệ sang VND của Chính phủ. Với dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chiếm trên 50% tổng dư nợ cho vay lĩnh vực này của toàn ngành ngân hàng, nguồn vốn của

Agribank đã và đang đóng góp tích cực trong quá trình triển khai Đề án Tái cơ cấu nền sản xuất nông nghiệp Việt Nam và thực hiện chính sách phát triển "Tam nông" của Chính phủ, góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng thu nhập cho khách hàng, ổn định các vấn đề kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn, cùng ngành Ngân hàng có nhiều đóng góp tích cực đối với quá trình phát triển nền kinh tế đất nước.

Thông qua triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ đề xuất chủ trương chính sách đến khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát, hoạt động tín dụng của Agribank năm 2016 đã đạt nhiều dấu ấn, đảm bảo tăng trưởng tín dụng, đáp ứng đủ vốn cho tam nông, kiểm soát chất lượng tín dụng, xử lý, thu hồi, ngăn ngừa nợ xấu phát sinh, từng bước kiềm chế và giảm dần nợ xấu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát chất lượng khoản vay nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh, tập trung nguồn lực về cho vay đầu tư phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và cho vay 5 lĩnh vực khuyến khích phát triển. Năm 2016, Agribank cũng để lại dấu ấn lớn trong việc "mở đường" phát triển nông nghiệp sạch thông qua cung cấp gói tín dụng tối thiểu 50.000 tỷ đồng nhằm đầu tư chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn, quy mô lớn "cho người Việt Nam, cho Thế giới" nhằm đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo tiền đề dẫn đầu dòng tín dụng xanh, góp phần vào thành công quá trình tái cơ cấu nông nghiệp.





Hoạt động kinh doanh vốn

Trên cơ sở bám sát biến động thị trường, vận dụng linh hoạt các chính sách tiền tệ quốc gia, đa dạng hóa nghiệp vụ, hoạt động đầu tư giấy tờ có giá và kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng của Agribank đã có kết quả khả quan, tận dụng tối đa nguồn vốn khả dụng, đảm bảo an toàn thanh khoản và nâng cao hiệu quả kinh doanh, đưa Agribank đứng trong Top 3 ngân hàng có doanh số đấu thầu trái phiếu lớn nhất thị trường, được Bộ Tài chính tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho Ngân sách Nhà nước thông qua phát hành Trái phiếu Chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính - Ngân sách năm 2016. Đến thời điểm 31/12/2016, doanh số giao dịch liên ngân hàng, mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá đạt 882.910 tỷ đồng, tăng hơn 11,92% so với năm 2015; doanh số mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá đạt 242.955 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần so với năm 2015; số dư cho vay, gửi tiền liên ngân hàng đạt 14.524 tỷ đồng, số dư mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá đạt 17.438 tỷ đồng; doanh số giao dịch gửi tiền ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng đạt 1.234 triệu USD, tăng 353 triệu USD so với năm 2015; doanh số đầu tư trái phiếu đạt 70.962 tỷ đồng, tăng 1,33 lần so với năm 2015, doanh số đầu tư tín phiếu Kho bạc Nhà nước và tín phiếu Ngân hàng Nhà nước đạt 460.352 tỷ đồng; phát hành thành công 7.600 tỷ đồng trái phiếu dài hạn. Thu từ hoạt động kinh doanh vốn đóng góp tích cực vào kết quả tài chính của Agribank.



Hoạt động hợp tác quốc tế và quan hệ đại lý

Hoạt động hợp tác quốc tế đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu Agribank với lãnh đạo cấp cao của các quốc gia, các đối tác trong nước và quốc tế như: Ký kết các Biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác trong khuôn khổ các Hội nghị thượng đỉnh; tiếp đón và làm việc với hàng trăm đoàn khách quốc tế; tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ của các ngân hàng đối tác trong khu vực Châu Á.

Agribank tiếp tục ghi dấu ấn là thành viên tích cực trong quan hệ hợp tác đa phương thông qua các diễn đàn quốc tế lớn như: Hội nghị thường niên ADB tại Đức, Hội nghị thường niên SIBOS tại Thụy Sỹ, Hội nghị Đại hội đồng APRACA tại Nepal, Hội nghị CICA tại Senegal, Kỳ họp Hiệp hội Ngân hàng Châu Á và APRACA tại Nhật Bản, Ấn Độ, Bangladesh…

Agribank đã thiết lập và duy trì quan hệ đại lý với 858 ngân hàng tại 88 quốc gia và vùng lãnh thổ; ký kết 104 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài, trong đó có 40 thỏa thuận chung, 13 thỏa thuận tài trợ thương mại, 36 thỏa thuận cung cấp sản phẩm dịch vụ, tạo cơ sở khai thác cơ hội kinh doanh tại các thị trường tiềm năng và khung pháp lý cho việc hợp tác phát triển sản phẩm, dịch vụ.



Hoạt động phục vụ Dự án quốc tế

Năm 2016, Agribank tiếp tục được các Bộ ngành, nhà tài trợ quốc tế như WB, ADB, KFW... tín nhiệm và giao phục vụ 07 Dự án tổng trị giá 270 triệu USD, nâng tổng số Dự án ngân hàng phục vụ lũy kế lên 141 Dự án với tổng trị giá 6,8 tỷ USD. Đồng thời, năm 2016, Agribank đã tiếp nhận giải ngân 01 Dự án tín dụng nước ngoài thông qua Chính phủ do WB tài trợ, nâng tổng số Dự án tín dụng quốc tế lũy kế lên 40 Dự án. Thông qua giải ngân các Dự án tín dụng nước ngoài, Agribank đã thể hiện được thế mạnh trong cho vay nông nghiệp, nông thôn và tài chính vi mô khu vực nông thôn. Các Dự án đều thực hiện hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu 0,25%/tổng dư nợ Dự án, Agribank được các Bộ ngành, nhà tài trợ quốc tế đánh giá cao và mở rộng triển vọng hợp tác trong thời gian tới.

Hoạt động thanh toán trong nước

Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, mở rộng kết nối thanh toán với khách hàng và thỏa thuận hợp tác cung cấp các dịch vụ với các đối tác, phát triển các sản phẩm kết nối thanh toán hóa đơn. Doanh thu phí dịch vụ đạt 1.399 tỷ đồng, tiếp tục là nguồn thu ổn định, chiếm tỷ trọng lớn nhất 38,4% trong tổng thu dịch vụ toàn hệ thống, tăng trưởng khoảng 10% qua các năm. Đến cuối năm 2016, tổng số tài khoản thanh toán của Agribank đạt trên 9,55 triệu tài khoản, chiếm 14% thị phần toàn quốc.

Dịch vụ thanh toán quốc tế

Dịch vụ thanh toán quốc tế đạt những chuyển biến tích cực, năm 2016, doanh số thanh toán quốc tế tăng 16%, thu phí dịch vụ thanh toán quốc tế tăng 10% với năm 2015. Trong hơn 10 năm trở lại đây, Agribank liên tục được nhận các giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc từ các Ngân hàng đại lý uy tín trên thế giới. Năm 2016, Agribank vinh dự nhận được giải thưởng Chất lượng thanh toán quốc tế do ngân hàng Wells Fargo, Standard Chartered Bank, Bank of New York Mellon... trao tặng.

Hoạt động thanh toán biên mậu

Giữ vững vị thế là ngân hàng hàng đầu và duy nhất cung ứng dịch vụ thanh toán biên giới bằng đồng bản tệ với cả ba nước chung biên giới là Trung Quốc, Lào, Campuchia. Năm 2016, Agribank tiếp tục khai thông hoạt động thanh toán biên mậu với Trung Quốc tại tỉnh Lai Châu. Doanh số thanh toán biên mậu (TTBM) với các nước có chung biên giới đạt 40,69 tỷ VND, tăng 96% so với năm 2015; tổng thu phí dịch vụ TTBM đạt 28 tỷ VND, tăng 18% so với năm 2015; thu từ kinh doanh ngoại tệ trong TTBM đạt 22 tỷ VND.

Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Agribank luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngoại tệ cho khách hàng với giá cạnh tranh. Bên cạnh việc thực hiện các giao dịch truyền thống, Agribank đẩy mạnh thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ phái sinh (hoán đổi ngoại tệ) trên thị trường liên ngân hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh vốn. Năm 2016, tổng doanh số mua bán ngoại tệ đạt 42,5 tỷ USD tăng 183% so với năm 2015. Thu ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 422 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2015. Agribank hỗ trợ bán USD cho Ngân hàng Nhà nước với doanh số 1.950 triệu USD góp phần gia tăng dự trữ ngoại hối quốc gia, bình ổn tỷ giá.

Dịch vụ kiều hối

Mặc dù dòng kiều hối về Việt Nam trong năm 2016 bị ảnh hưởng bởi nhiều biến động của những thị trường chuyển tiền truyền thống, doanh số chi trả kiều hối của Agribank đạt 1.386 triệu USD, doanh thu phí dịch vụ đạt 111 tỷ đồng. Agribank là một trong các NHTM có lượng kiều hối chuyển qua Western Union lớn nhất trong năm qua. Agribank không ngừng đẩy mạnh phát triển mạng lưới chuyển tiền qua các Ngân hàng lớn và uy tín trên thế giới, nghiên cứu, phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mới, đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng, tiêu biểu là kênh chuyển tiền cá nhân ra nước ngoài qua Cộng đồng Eurogiro, dịch vụ chi trả kiều hối W.U vào tài khoản trên E-Mobile Banking, sản phẩm Tích lũy kiều hối, hợp tác chuyển tiền cho du học sinh với Inpay.





Dịch vụ thẻ

Phát huy ưu thế về mạng lưới chi nhánh rộng khắp, hoạt động thanh toán thẻ của Agribank đã triển khai đạt hiệu quả cao, nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị đầu cuối ATM, POS và mang lại nguồn thu phí dịch vụ đáng kể cho ngân hàng. Kết thúc năm 2016, doanh số thanh toán thẻ tăng 17% so với năm 2015, thu phí từ dịch vụ thẻ toàn hệ thống đạt 562 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2015. Số lượng ATM đạt 2.500 máy, số lượng POS là 15.750 thiết bị. Agribank tiếp tục giữ vững vị trí Ngân hàng thương mại duy nhất tại Việt Nam triển khai ATM rộng khắp cả nước, duy trì vững chắc vị trí Top 3 ngân hàng dẫn đầu thị trường thẻ tại Việt Nam.

Dịch vụ ngân hàng điện tử

Agribank không ngừng mở rộng, đầu tư và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành Ngân hàng hiện đại tại Việt Nam. Năm 2016, dịch vụ ngân hàng điện tử Agribank có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ, góp phần mang lại nhiều lợi ích cho Agribank. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng cao, tạo nguồn thu dịch vụ đáng kể cho Agribank. Cuối năm 2016, thu phí dịch vụ ngân hàng điện tử chiếm gần 7% trên tổng thu dịch vụ, tăng 32,7% so với năm 2015, tổng số khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank đạt 5,4 triệu khách hàng.

Dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank tăng trưởng nhanh, ổn định, trở thành nguồn thu dịch vụ ngày càng lớn trong cơ cấu thu dịch vụ của Agribank. Các dịch vụ, tiện ích không ngừng được phát triển đã góp phần đa dạng sản phẩm dịch vụ Agribank, tăng tiện ích dịch vụ tài khoản thanh toán, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Các dịch vụ E-banking tiêu biểu của Agibank trong năm 2016 gồm SMS Banking, thanh toán hóa đơn Apaybill, Vntopup, Bankplus, Agribank M-Plus, Agribank E-Mobile Banking, Internet Banking.

Hoạt động tiếp thị và truyền thông

Năm 2016, Agribank đã bám sát định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và sự chỉ đạo của Hội đồng thành viên, Ban điều hành của Agribank, công tác tiếp thị và truyền thông với các hoạt động quảng bá thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tiếp thị sản phẩm dịch vụ, truyền thông nội bộ và thông tin đại chúng được xây dựng và triển khai bài bản, đồng bộ và có định hướng xuyên suốt toàn hệ thống, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ kinh doanh.

Thương hiệu Agribank gắn liền với và các sự kiện quan trọng của đất nước, với hình ảnh ngân hàng vì cộng đồng, giữ vai trò chủ lực trong đầu tư nông nghiệp - nông dân - nông thôn với các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng. Qua đó, hình ảnh, uy tín và thương hiệu của Agribank được quảng bá rộng rãi, nhận được sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo, đối tác, khách hàng và cộng đồng trong và ngoài nước. Trong đó, chương trình truyền thông "Nông nghiệp sạch" có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn với sự tham gia của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Nông nghiệp, Đài Truyền hình Việt Nam.

Hoạt động truyền thông góp phần truyền tải các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc từ hoạt động kinh doanh của Agribank; đồng thời là kênh tiếp thu thông tin phản biện từ báo chí, qua đó, Agribank có được sự chia sẻ, đồng thuận của dư luận xã hội, các cơ quan quản lý trong việc xây dựng, hoạch định chính sách liên quan đến hoạt động của Agribank trên thị trường nông nghiệp, nông thôn.

Các mặt hoạt động khác đạt kết quả tích cực

Công tác thi đua khen thưởng đã phù hợp hơn với mục tiêu điều hành hoạt động kinh doanh của Agribank, tạo động lực khuyến khích các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác an sinh xã hội và các mặt hoạt động khác được củng cố, góp phần hỗ trợ tích cực vào kết quả hoạt động kinh doanh chung, tạo ảnh hưởng tích cực của Agribank đối với cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016
- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

Năm 2016, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như tăng trưởng kinh tế chậm, thiên tai diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế - xã hội, nhất là sản xuất và đời sống của người dân ở khu vực kinh tế nông nghiệp nông thôn. Trước bối cảnh đó, thực hiện chỉ đạo sâu sát của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Agribank đã duy trì tăng trưởng hợp lý, bám sát và đạt được chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.

Hội đồng thành viên đã kịp thời ban hành Nghị quyết định hướng hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung thực hiện các biện pháp quyết liệt, kịp thời ứng phó với những diễn biến bất thường của thị trường tiền tệ, tăng trưởng tín dụng có chất lượng, kiểm soát và thu hồi nợ xấu, kinh doanh có hiệu quả, phát triển dịch vụ để tăng thu tài chính, nâng cao năng lực tài chính đáp ứng các tiêu chuẩn Basel II, góp phần đảm bảo an toàn hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ. Agribank tiếp tục hoàn thiện hệ thống mô hình tổ chức, mạng lưới, cơ chế nghiệp vụ, tạo hành lang thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và phát triển hoạt động kinh doanh và chuẩn bị tiền để triển khai cổ phần hóa Agribank.



Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của Agribank năm 2016 đã chuyển biến mạnh mẽ và đạt kết quả tích cực, tiên phong triển khai chính sách tiền tệ cùng ngành Ngân hàng góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, chống đôla hóa, vàng hóa trong nền kinh tế… Trên cơ sở phát huy hiệu quả hoạt động, với tinh thần phát huy tính chủ động, sáng tạo, mở rộng hoạt động có trọng tâm, trọng điểm, Agribank đã thực hiện thành công các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong năm 2016, cụ thể:

1. Xây dựng hình ảnh Agribank - Ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam giữ vai trò chủ lực trong lĩnh vực nông thôn, đóng góp tích cực vào quá trình tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, thực hiện nghiêm túc các chương trình của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, nhất là về đầu tư phát triển nông nghiệp xanh, sạch và công nghệ cao.

2. Có nhiều đổi mới trong cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng tiện ích; nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ và chăm sóc khách hàng, góp phần thúc đẩy thị trường thanh toán không dùng tiền mặt và xây dựng nền tài chính điện tử.

3. Thực hiện tái cơ cấu Agribank thành công, tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, tạo nền tảng vững chắc để sẵn sàng cổ phần hóa theo chỉ đạo của Chính phủ. Triển khai Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, tập trung xử lý nợ xấu, tăng năng lực tài chính, đổi mới quản trị điều hành phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại.

4. Với hệ thống mạng lưới rộng khắp và tiềm lực tài chính, Agribank đã thể hiện vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và công tác an sinh xã hội. Tham gia nhiều hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xây nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa có dấu ấn lớn, hỗ trợ nhiều hộ nông dân phát triển sản xuất.



5. Triển khai 07 chương trình tín dụng và 02 chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Nguồn vốn của Agribank đã và đang góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng thu nhập cho khách hàng, ổn định kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn, cùng ngành Ngân hàng có nhiều đóng góp tích cực đối với quá trình phát triển nền kinh tế đất nước.

6. Không ngừng quảng bá, nâng cao hình ảnh về một Agribank chủ động, tích cực trong các hoạt động đối ngoại, hội nhập, hợp tác quốc tế; Giữ vững vị thế là một thành viên có nhiều đóng góp hiệu quả trong các Hiệp hội, tổ chức quốc tế như APRACA, CICA, WSBI, WB, ADB …

Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, hoàn thành nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động kinh doanh vì lợi ích của Agribank, của khách hàng, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bám sát các nhiệm vụ tái cơ cấu và mục tiêu chiến lược, mục tiêu cụ thể về nhiệm vụ kinh doanh theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng thành viên. Hoạt động kinh doanh của Agribank có nhiều chuyển biến tích cực, tăng trưởng mạnh về quy mô, bảo đảm an toàn, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản về tổng tài sản, dư nợ tín dụng, tổng nguồn vốn, lợi nhuận, kinh doanh dịch vụ đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ nợ xấu được giảm xuống mức dưới 2%; cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng; hoạt động kinh doanh dịch vụ được triển khai tích cực, tăng tỷ trọng trong tổng thu nhập, từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động tín dụng truyền thống; các tỷ lệ an toàn hoạt động đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; công tác an sinh xã hội và các mặt hoạt động khác được củng cố, nâng cao hiệu quả, góp phần hỗ trợ tích cực vào kết quả hoạt động kinh doanh chung.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

- DỰ BÁO MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ TRONG NĂM 2017
- CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CỤ THỂ NĂM 2017
- ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CHO NĂM 2017





Dự báo môi trường vĩ mô trong năm 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới dự báo diễn biến khó lường với tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức thấp; trên thị trường tài chính, các chính sách của tân Tổng thống Mỹ và sự kiện Anh rời liên minh châu Âu có thể kéo theo nhiều thay đổi kinh tế thế giới, dự báo Fed sẽ tăng lãi suất thêm 03 lần trong năm 2017 khiến đồng USD có xu hướng tăng giá... Trong nước, Quốc hội đã thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2017 với định hướng tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến rõ rệt trong thực hiện ba đột phá chiến lược; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước sẽ điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm đảm bảo ổn định các cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; theo dõi sát diễn biến kinh tế vi mô, tiền tệ trong nước và quốc tế để chủ động thực hiện các biện pháp và công cụ điều hành tỷ giá phù hợp, ổn định thị trường.

Những thuận lợi, khó khăn của Agribank:

Năm 2016, Agribank tiếp tục nhận được sự quan tâm của Chính phủ, NHNN, các bộ ngành và chính quyền địa phương. Agribank đã cơ bản hoàn thành Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015, hoạt động kinh doanh có nhiều thuận lợi; bước đầu triển khai thực hiện tốt Đề án chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Các chủ trương, chính sách mới của Ban lãnh đạo nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, tin tưởng và thống nhất cao trong toàn hệ thống. Hoạt động kinh doanh tại địa bàn thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh đã dần ổn định, từng bước phục hồi.

Tình hình hạn hán, thiên tai, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn... diễn biến ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế- xã hội nước ta, nhất là sản xuất và đời sống trong khu vực nông nghiệp, nông thôn nơi tập trung vốn vay của Agribank.

Môi trường kinh tế vĩ mô chưa thuận lợi, phục hồi chậm, số doanh nghiệp phát sinh nợ xấu, phá sản vẫn tiếp tục gia tăng.

Vấn đề xử lý nợ xấu vẫn là một thách thức lớn đối với hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam.

Nhiệm vụ thực hiện 9 chương trình tín dụng chính sách, việc chậm cấp bù lãi suất ... ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Agribank.

Rủi ro hoạt động do tội phạm công nghệ cao có xu hướng gia tăng đặt ra những vấn đề cấp bách về quản lý, đầu tư cho con người và công nghệ thông tin.





Các chỉ tiêu kinh doanh cụ thể năm 2017

- Lợi nhuận trước thuế tối thiểu 4.500 tỷ đồng. Tiền lương thực hiện theo quy định của Nhà nước và không thấp hơn năm 2016.

- Thu dịch vụ tăng trưởng tối thiểu 20%.

- Vốn huy động thị trường I (không bao gồm tiền gửi Kho bạc Nhà nước) tăng từ 14-18%.

- Dư nợ tín dụng (không bao gồm thị trường II) tăng từ 14-18%.

- Duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5%

- Cho vay đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn chiếm tỉ lệ khoảng 65-70% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế.

- Đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Định hướng của Hội đồng thành viên cho năm 2017

Trước cơ hội, thách thức của kinh tế thế giới và trong nước, trên cơ sở những thành quả đạt được năm 2016, Hội đồng thành viên Agribank xác định mục tiêu, giải pháp cho năm 2017 như sau:

Một là, giữ vững thị trường, thị phần, chuyển dịch hài hòa đối tượng đầu tư, tỷ trọng thu nhập. Tiếp tục củng cố ổn định, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tăng trưởng quy mô hoạt động gắn với khả năng quản trị rủi ro, tăng vốn chủ sở hữu, đảm bảo hiệu quả và chất lượng. Phấn đấu nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo ổn định và cải thiện thu nhập, đời sống cho người lao động.

Hai là, nâng cao năng lực quản trị, điều hành và khả năng cạnh tranh, đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ hiện đại để phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử, tăng năng suất lao động, tăng doanh thu và thu ròng dịch vụ; mở rộng hoạt động bán lẻ, gia tăng ổn định, vững chắc số lượng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

Ba là, tập trung củng cố mạng lưới, cơ cấu tổ chức, hoàn thiện hệ thống cơ chế, quy trình nghiệp vụ để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh; giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc, tạo tiền đề xây dựng và triển khai phương án cổ phần hóa theo phê duyệt của Chính phủ và NHNN.

Bốn là, xây dựng chính sách khách hàng nhất quán, ổn định, phù hợp; chủ động, thân thiện, nhiệt tình phục vụ khách hàng; tạo dựng, vun đắp niềm tin cho thương hiệu Agribank trong tâm trí khách hàng.



Năm là, tăng trưởng tín dụng phù hợp với định hướng của NHNN, khả năng cân đối nguồn vốn và điều kiện hoạt động; giữ vững vai trò chủ lực trên thị trường tiền tệ, tín dụng khu vực nông nghiệp, nông thôn, từng bước khôi phục vị thế hoạt động tại khu vực thành thị. Nâng dần tỷ trọng cho vay doanh nghiệp, giá trị bình quân một khoản cho vay hộ sản xuất và cá nhân. Linh hoạt, quyết liệt xử lý nợ xấu, thu hồi nợ XLRR và nợ bán cho VAMC.

Sáu là, triển khai có hiệu quả Đề án chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ năm 2016 – 2020 với yêu cầu thuận tiện, dễ sử dụng, nhanh chóng, an toàn, bảo mật và hiệu quả; nâng cao tỷ trọng thu ngoài tín dụng trong tổng thu.

Bảy là, nâng cao chất lượng công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế; phát huy hiệu quả hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu trong nước và quốc tế; chủ động, mở rộng có trọng tâm, trọng điểm các nội dung, hình thức, đối tác truyền thông.

Tám là, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ; củng cố hoạt động công tác pháp chế; nâng cao hiệu quả cán bộ làm công tác pháp chế trong toàn hệ thống.

Chín là, sử dụng hợp lý các công cụ khoán tài chính, tiền lương, thi đua khen thưởng; phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận trong toàn hệ thống; khuyến khích tinh thần tự giác, hăng say lao động của các tập thể và cá nhân để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh doanh năm 2017.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG



Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam B02/TCTD

Bảng cân đối kế toán riêng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

	Thuyết minh	*31/12/2016 triệu đồng*	*31/12/2015 triệu đồng*
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**5**	**11.742.735**	**11.829.672**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	**6**	**21.496.889**	**43.151.874**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	**7**	**51.338.202**	**61.661.049**
Tiền gửi tại các TCTD khác		18.892.633	18.515.800
Cho vay các TCTD khác		32.507.311	43.202.212
Dự phòng rủi ro		(61.742)	(56.963)
Chứng khoán kinh doanh	**8**	37	37
Chứng khoán kinh doanh		295	295
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(258)	(258)
Các công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác	**9**	**22.943**	**14.602**
Cho vay khách hàng		**732.359.876**	**617.239.702**
Cho vay khách hàng	10	744.814.617	626.357.768
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(12.454.741)	(9.118.066)
Chứng khoán đầu tư	**12**	**157.883.412**	**115.260.824**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	120.233.921	71.728.433
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	49.507.256	49.849.420
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.3	(11.857.765)	(6.317.029)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	**13**	**1.903.567**	**2.393.738**
Đầu tư vào công ty con	13.1	2.501.580	2.751.800
Vốn góp liên doanh	13.2	8.206	8.206
Đầu tư vào công ty liên kết	13.3	52.900	77.900
Đầu tư dài hạn khác	13.4	191.800	166.800
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13.5	(850.919)	(610.968)
Tài sản cố định	**14**	**7.523.706**	**6.707.641**
Tài sản cố định hữu hình	14.1	*5.233.461*	*4.532.826*
Nguyên giá tài sản cố định		13.042.203	11.383.334
Hao mòn tài sản cố định		(7.808.742)	(6.850.508)
Tài sản cố định thuê tài chính	14.2	*205.636*	*233.485*
Nguyên giá tài sản cố định		311.274	318.769
Hao mòn tài sản cố định		(105.638)	(85.284)
Tài sản cố định vô hình	14.3	*2.084.609*	*1.941.330*
Nguyên giá tài sản cố định		2.826.327	2.516.315
Hao mòn tài sản cố định		(741.718)	(574.985)
Tài sản có khác	**15**	**16.933.386**	**15.394.756**
Các khoản phải thu	15.1	4.788.538	5.424.912
Các khoản lãi, phí phải thu	15.2	11.847.967	9.733.897
Tài sản Có khác	15.3	835.865	692.272
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15.4	(538.984)	(456.325)
TỔNG TÀI SẢN		**1.001.204.753**	**873.653.895**

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

	Thuyết minh	*31/12/2016 triệu đồng*	*31/12/2015 triệu đồng*
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	**16**	**27.185.688**	**17.126.980**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**17**	**3.362.220**	**3.408.810**
Tiền gửi của các TCTD khác		3.190.971	2.105.066
Vay các TCTD khác		171.249	1.303.744
Tiền gửi của khách hàng	**18**	**866.004.701**	**763.411.318**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**19**	**18.060.996**	**13.652.450**
Phát hành giấy tờ có giá	**20**	**16.468.313**	**12.380.306**
Các khoản nợ khác	**21**	**20.892.134**	**16.777.093**
Các khoản lãi, phí phải trả	21.1	13.140.630	9.804.768
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	22.2	414	181
Các khoản phải trả và công nợ khác	21.2	7.751.090	6.972.144
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**951.974.052**	**826.756.957**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	**23**	**49.230.701**	**46.896.938**
Vốn của TCTD	***23.1***	***29.331.177***	***29.198.329***
Vốn điều lệ		29.126.443	29.003.641
Vốn khác		204.734	194.688
Quỹ của TCTD	***23.2***	***16.482.608***	***14.776.693***
Lợi nhuận chưa phân phối	***23.1***	***3.416.916***	***2.921.916***
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**49.230.701**	**46.896.938**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**1.001.204.753**	**873.653.895**

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam B02/TCTD

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Thuyết minh	*31/12/2016 triệu đồng*	*31/12/2015 triệu đồng*
Bảo lãnh vay vốn		279.971	318.645
Cam kết giao dịch hối đoái		1.109.236	1.015.071
- Cam kết mua ngoại tệ		244.500	486.814
- Cam kết bán ngoại tệ		182.239	472.956
- Cam kết giao dịch hoán đổi		682.497	55.301
- Cam kết giao dịch tương lai		-	-
Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ LC		4.801.211	3.306.581
Bảo lãnh khác	37	19.423.241	15.942.150
Các cam kết khác		169.684	169.684

Người lập

Bà Nguyễn Thị Lý
Phó Trưởng Ban
Tài chính- Kế toán

Người phê duyệt

Ông Phùng Văn Hưng Quang
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Ông Tết Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam B03/TCTD

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

	Thuyết minh	*2016 triệu đồng*	*2015 triệu đồng*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	68.011.928	57.345.278
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(39.500.730)	(32.546.002)
Thu nhập lãi thuần		**28.511.198**	**24.799.276**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		3.473.552	2.941.107
Chi phí hoạt động dịch vụ		(1.315.449)	(1.139.666)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	**26**	**2.158.103**	**1.801.441**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**27**	**501.148**	**331.127**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**28**	**-**	**242**
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**29**	**(80.088)**	**28.794**
Thu nhập từ hoạt động khác		4.771.128	3.830.171
Chi phí hoạt động khác		(476.023)	(368.566)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**30**	**4.295.105**	**3.461.605**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**31**	**91.890**	**274.591**
Tổng thu nhập hoạt động		**35.477.356**	**30.697.076**
Chi phí hoạt động	**32**	**(18.217.451)**	**(15.610.532)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**17.259.905**	**15.086.544**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(13.048.086)	(11.380.344)
Tổng lợi nhuận trước thuế		4.211.819	3.706.200
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(823.752)	(811.759)
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	22.2	(233)	3.996
Chi phí thuế TNDN		**(823.985)**	**(807.763)**
Lợi nhuận sau thuế		**3.387.834**	**2.898.437**

Người lập

Bà Nguyễn Thị Lý
Phó Trưởng Ban
Tài chính- Kế toán

Người phê duyệt

Ông Phùng Văn Hưng Quang
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Ông Tết Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam B04/TCTD

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

	Thuyết minh	*2016 triệu đồng*	*2015 triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		65.894.848	57.795.011
Chi lãi và các khoản chi tương tự đã trả		(36.163.363)	(33.028.073)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		2.159.608	1.801.521
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		501.148	335.877
Chi phí khác		(372.149)	(271.006)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		4.659.288	3.726.728
Tiền chi cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(17.985.403)	(16.105.922)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	22	(817.782)	(1.063.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**17.876.195**	**13.191.031**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		12.817.219	25.186.592
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(45.163.324)	(31.812.470)
Tăng các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác		(8.341)	(13.368)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(118.456.849)	(93.149.687)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(4.190.356)	(9.330.142)
Giảm khác về tài sản hoạt động		1.151.332	1.051.836
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		10.058.708	(439.603)
Giảm các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(46.590)	(5.195.065)
Tăng tiền gửi của khách hàng		102.593.383	107.979.366
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		4.088.007	7.897.261
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		4.408.546	(120.293)
Giảm khác về công nợ hoạt động		(403.897)	(193.737)
Chi từ các quỹ của TCTD		-	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		**(15.275.967)**	**15.051.721**

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam B04/TCTD

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

	Thuyết minh	*2016 triệu đồng*	*2015 triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(1.439.682)	(1.126.414)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		7.966	5.883
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		250.220	391.725
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		91.890	36.369
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.089.606)	(692.437)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ	23.1	122.802	163.389
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		**122.802**	**163.389**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		**(16.242.771)**	**14.522.673**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		**103.558.971**	**89.036.298**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**34**	**87.316.200**	**103.558.971**

Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Bà Nguyễn Thị Lý	Ông Phùng Văn Hưng Quang	Ông Trần Văn Thành
Phó Trưởng Ban	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tài chính- Kế toán		

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

- MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH CỦA AGRIBANK TRÊN TOÀN QUỐC
- CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



Mạng lưới chi nhánh của Agribank trên toàn quốc

STT	CHI NHÁNH	CN LOẠI I	CN LOẠI II	PGD	TỔNG CỘNG
I	**KHU VỰC TP HÀ NỘI**	**34**	**14**	**220**	**268**
1	Agribank Chi nhánh Sở giao dịch	1	0	4	5
2	Agribank Chi nhánh Láng Hạ	1	0	7	8
3	Agribank Chi nhánh Bách Khoa	1	0	0	1
4	Agribank Chi nhánh Mỹ Đình	1	0	5	6
5	Agribank Chi nhánh Thị xã Sơn Tây	1	0	7	8
6	Agribank Chi nhánh Đông Anh	1	0	10	11
7	Agribank Chi nhánh Hoàn Kiếm	1	0	2	3
8	Agribank Chi nhánh Đống Đa	1	0	5	6
9	Agribank Chi nhánh Thanh Xuân	1	0	2	3
10	Agribank Chi nhánh Tam Trinh	1	0	3	4
11	Agribank Chi nhánh Nam Hà Nội	1	0	6	7
12	Agribank Chi nhánh Tây Đô	1	0	3	4
13	Agribank Chi nhánh Thủ Đô	1	0	3	4
14	Agribank Chi nhánh Trung Yên	1	0	4	5
15	Agribank Chi nhánh Tràng An	1	0	6	7
16	Agribank Chi nhánh Tây Hà Nội	1	0	0	1
17	Agribank Chi nhánh Gia Lâm	1	0	8	9
18	Agribank Chi nhánh Long Biên	1	0	4	5
19	Agribank Chi nhánh Tây Hồ	1	0	6	7
20	Agribank Chi nhánh Hồng Hà	1	0	0	1
21	Agribank Chi nhánh Mê Linh	1	0	4	5
22	Agribank Chi nhánh Hà Nội	1	0	15	16
23	Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội	1	0	5	6
24	Agribank Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	1	0	5	6
25	Agribank Chi nhánh Thăng Long	1	0	8	9
26	Agribank Chi nhánh Hà Thành	1	0	6	7
27	Agribank Chi nhánh Đông Hà Nội	1	0	4	5
28	Agribank Chi nhánh Cầu Giấy	1	0	5	6
29	Agribank Chi nhánh Thanh Trì	1	0	6	7
30	Agribank Chi nhánh Hùng Vương	1	0	3	4
31	Agribank Chi nhánh Từ Liêm	1	0	11	12
32	Agribank Chi nhánh Sóc Sơn	1	0	7	8
33	Agribank Chi nhánh Hoàng Mai	1	0	5	6
34	Agribank Chi nhánh Hà Tây	1	14	51	66

Mạng lưới chi nhánh của Agribank trên toàn quốc

STT	CHI NHÁNH	CN LOẠI I	CN LOẠI II	PGD	TỔNG CỘNG
II	**KHU VỰC TÂY NAM BỘ**	**15**	**146**	**152**	**313**
1	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hậu Giang	1	8	3	12
2	Agribank Chi nhánh TP Cần Thơ	1	8	9	18
3	Agribank Chi nhánh Ninh Kiều	1	0	2	3
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Long An	1	19	12	32
5	Agribank Chi nhánh Tỉnh Đồng Tháp	1	11	10	22
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh An Giang	1	14	10	25
7	Agribank Chi nhánh Tỉnh Tiền Giang	1	11	15	27
8	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bến Tre	1	10	19	30
9	Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Long	1	9	28	38
10	Agribank Chi nhánh Tỉnh Trà Vinh	1	10	11	22
11	Agribank Chi nhánh Tỉnh Sóc Trăng	1	13	5	19
12	Agribank Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang	1	17	9	27
13	Agribank Chi nhánh Phú Quốc	1	0	2	3
14	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu	1	7	9	17
15	Agribank Chi nhánh Tỉnh Cà Mau	1	9	8	18
III	**KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ**	**8**	**55**	**78**	**141**
1	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bình Dương	1	7	3	11
2	Agribank Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần	1	2	5	8
3	Agribank Chi nhánh Tỉnh Tây Ninh	1	10	10	21
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Đồng Nai	1	13	26	40
5	Agribank Chi nhánh Biên Hoà	1	0	3	4
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	1	6	16	23
7	Agribank Chi nhánh Vũng Tàu	1	0	4	5
8	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bình Phước	1	17	11	29

Mạng lưới chi nhánh của Agribank trên toàn quốc

STT	CHI NHÁNH	CN LOẠI I	CN LOẠI II	PGD	TỔNG CỘNG
IV	**KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**	**16**	**110**	**195**	**321**
1	Agribank Chi nhánh Thành phố Hải Phòng	1	7	5	13
2	Agribank Chi nhánh Đông Hải Phòng	1	6	6	13
3	Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng	1	7	5	13
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc	1	9	15	25
5	Agribank Chi nhánh Phúc Yên	1	0	2	3
6	Agribank Chi nhánh Sao Đỏ	1	2	3	6
7	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hải Dương	1	12	25	38
8	Agribank Chi nhánh Tỉnh Thái Bình	1	9	32	42
9	Agribank Chi nhánh Tỉnh Nam Định	1	11	24	36
10	Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định	1	3	11	15
11	Agribank Chi nhánh Tỉnh Ninh Bình	1	12	28	41
12	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hưng Yên	1	8	14	23
13	Agribank Chi nhánh Mỹ Hào	1	2	2	5
14	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bắc Ninh	1	8	16	25
15	Agribank Chi nhánh Thị xã Từ Sơn	1	0	3	4
16	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hà Nam	1	14	4	19
V	**KHU VỰC MIỀN NÚI BIÊN GIỚI**	**8**	**81**	**62**	**151**
1	Agribank Chi nhánh Tỉnh Cao Bằng	1	13	6	20
2	Agribank Chi nhánh Tỉnh Lạng Sơn	1	12	5	18
3	Agribank Chi nhánh Tỉnh Lai Châu	1	7	5	13
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Sơn La	1	10	11	22
5	Agribank Chi nhánh Tỉnh Lào Cai	1	12	10	23
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hà Giang	1	11	7	19
7	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bắc Kạn	1	7	9	17
8	Agribank Chi nhánh Tỉnh Điện Biên	1	9	9	19

Mạng lưới chi nhánh của Agribank trên toàn quốc

STT	CHI NHÁNH	CN LOẠI I	CN LOẠI II	PGD	TỔNG CỘNG
VI	**KHU VỰC TRUNG DU BẮC BỘ**	**8**	**85**	**176**	**269**
1	Agribank Chi nhánh Tỉnh Tuyên Quang	1	7	24	32
2	Agribank Chi nhánh Tỉnh Yên Bái	1	10	23	34
3	Agribank Chi nhánh Tỉnh Thái Nguyên	1	10	19	30
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bắc Giang	1	13	32	46
5	Agribank Chi nhánh Thành phố Móng Cái	1	2	4	7
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh Quảng Ninh	1	16	23	40
7	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hoà Bình	1	12	16	29
8	Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ	1	15	35	51
VII	**KHU VỰC KHU 4 CŨ**	**6**	**99**	**145**	**250**
1	Agribank Chi nhánh Tỉnh Thanh Hoá	1	31	34	66
2	Agribank Chi nhánh Tỉnh Nghệ An	1	21	47	69
3	Agribank Chi nhánh Tỉnh Hà Tĩnh	1	16	23	40
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Thừa Thiên Huế	1	11	15	27
5	Agribank Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình	1	10	13	24
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh Quảng Trị	1	10	13	24
VIII	**KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG**	**9**	**109**	**92**	**210**
1	Agribank Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	1	14	20	35
2	Agribank Chi nhánh Hải Châu	1	0	5	6
3	Agribank Chi nhánh Tỉnh Quảng Nam	1	26	17	44
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Quảng Ngãi	1	14	11	26
5	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bình Định	1	12	10	23
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Yên	1	10	7	18
7	Agribank Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	1	12	13	26
8	Agribank Chi nhánh Tỉnh Ninh Thuận	1	7	2	10
9	Agribank Chi nhánh Tỉnh Bình Thuận	1	14	7	22

Mạng lưới chi nhánh của Agribank trên toàn quốc

STT	CHI NHÁNH	CN LOẠI I	CN LOẠI II	PGD	TỔNG CỘNG
IX	**KHU VỰC TÂY NGUYÊN**	**8**	**82**	**55**	**145**
1	Agribank Chi nhánh Tỉnh Gia Lai	1	11	5	17
2	Agribank Chi nhánh Đông Gia Lai	1	11	3	15
3	Agribank Chi nhánh Tỉnh Kon Tum	1	8	4	13
4	Agribank Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk	1	22	15	38
5	Agribank Chi nhánh Buôn Hồ	1	7	5	13
6	Agribank Chi nhánh Tỉnh Đắk Nông	1	8	6	15
7	Agribank Chi nhánh Tỉnh Lâm Đồng	1	11	15	27
8	Agribank Chi nhánh Nam Lâm Đồng	1	4	2	7
X	**KHU VỰC TP HỒ CHÍ MINH**	**43**	**6**	**124**	**173**
1	Agribank Chi nhánh Sài Gòn	1	1	5	7
2	Agribank Chi nhánh Quận 1	1	0	0	1
3	Agribank Chi nhánh 3	1	1	4	6
4	Agribank Chi nhánh Lý Thường Kiệt	1	0	4	5
5	Agribank Chi nhánh Phú Nhuận	1	0	3	4
6	Agribank Chi nhánh An Phú	1	0	6	7
7	Agribank Chi nhánh Phan Đình Phùng	1	0	2	3
8	Agribank Chi nhánh Trường Sơn	1	0	1	2
9	Agribank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	1	0	4	5
10	Agribank Chi nhánh 8	1	0	2	3
11	Agribank Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn	1	0	2	3
12	Agribank Chi nhánh 4	1	0	1	2
13	Agribank Chi nhánh Khu công nghiệp Tân Tạo	1	0	2	3
14	Agribank Chi nhánh Miền Đông	1	0	2	3
15	Agribank Chi nhánh Hiệp Phước	1	0	2	3
16	Agribank Chi nhánh Thủ Đức	1	0	5	6
17	Agribank Chi nhánh Bình Triệu	1	0	0	1
18	Agribank Chi nhánh Củ Chi	1	0	3	4
19	Agribank Chi nhánh An Sương	1	0	2	3
20	Agribank Chi nhánh Hóc Môn	1	0	4	5

Mạng lưới chi nhánh của Agribank trên toàn quốc

STT	CHI NHÁNH	CN LOẠI I	CN LOẠI II	PGD	TỔNG CỘNG
X	**KHU VỰC TP HỒ CHÍ MINH**	**43**	**6**	**124**	**173**
21	Agribank Chi nhánh Xuyên Á	1	0	4	5
22	Agribank Chi nhánh Nam Sài Gòn	1	1	5	7
23	Agribank Chi nhánh Cần Giờ	1	0	1	2
24	Agribank Chi nhánh Bình Tân	1	0	3	4
25	Agribank Chi nhánh Chợ Lớn	1	0	5	6
26	Agribank Chi nhánh Nam Hoa	1	0	0	1
27	Agribank Chi nhánh Quận 5	1	0	4	5
28	Agribank Chi nhánh Thành Đô	1	0	3	4
29	Agribank Chi nhánh Đông Sài Gòn	1	0	6	7
30	Agribank Chi nhánh 9	1	1	6	8
31	Agribank Chi nhánh Tây Sài Gòn	1	0	3	4
32	Agribank Chi nhánh Bắc Sài Gòn	1	0	1	2
33	Agribank Chi nhánh Nhà Bè	1	0	3	4
34	Agribank Chi nhánh Phước Kiển	1	0	3	4
35	Agribank Chi nhánh Tân Bình	1	1	5	7
36	Agribank Chi nhánh Bình Thạnh	1	0	3	4
37	Agribank Chi nhánh Bình Chánh	1	0	3	4
38	Agribank Chi nhánh Gia Định	1	0	4	5
39	Agribank Chi nhánh 10	1	0	1	2
40	Agribank Chi nhánh Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh	1	1	1	3
41	Agribank Chi nhánh Tân Phú	1	0	5	6
42	Agribank Chi nhánh 11	1	0	1	2
43	Agribank Chi nhánh 7	1	0	0	1
	TỔNG CỘNG	**155**	**787**	**1.299**	**2.241**



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con/ Công ty liênkết	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY CON					
Công ty Cổ phần bảo hiểm NHNo&PTNT Việt Nam	ABIC	Giấy phép thành lập và hoạt động số: 38GP/KDBH, ngày 18/10/2006 do Bộ Tài chính cấp.	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và dịch vụ tài chính	380	51,32%
Tổng Công ty vàng Agribank Việt Nam-CTCP	AJC	Giấy phép kinh doanh số: 0103034278 ngày 19/01/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.	Kinh doanh vàng bạc, chế tác vàng bạc, cầm đồ	206	61,24%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	ABSC.,LTD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101452242 ngày 15/4/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.	In thương mại, quảng cáo, thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho ngân hàng	510	100%
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Agribank	Agribank AMC	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106134589 ngày 25/3/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.	Quản lý nợ và xử lý, khai thác tài sản đảm bảo nợ vay	30	100%

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con/ Công ty liên kết	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY CON					
Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	Agriseco	Quyết định cấp phép thành lập và hoạt động số: 108/ UBCK-GP ngày 10/7/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Kinh doanh chứng khoán	2.120	74,92%
Công ty cho thuê tài chính I Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	ALCI	Quyết định thành lập số 238/1998/ QĐ-NHNN5 ngày 14/7/1998 của Thống đốc NHNN	Cho thuê tài chính	200	100%
Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	ALC II	Quyết định thành lập số 239/1998/ QĐ-NHNN5 ngày 14/7/1998 của Thống đốc NHNN	Cho thuê tài chính	350	100%
CÔNG TY LIÊN KẾT					
Công ty cổ phần Du lịch thương mại Nông nghiệp Việt Nam	Agritour	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3500103312 ngày 28/4/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.	Dịch vụ du lịch, đầu tư, kinh doanh khách sạn và thương mại	230	23%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

Mang phồn thịnh đến khách hàng

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, Ba Đình,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3772 4621
Fax: (84-24) 3831 3717
Website: www.agribank.com.vn